

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2022/DS-PT  
Ngày 21 – 6 – 2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Minh Trung

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Văn Út

Bà Đinh Cẩm Đào

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Ngọc Trâm – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Lâm Chúc L1, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C ..

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã K, huyện U, tỉnh C ..

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Bùi Quốc G, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C ..

2. Ông Trần Văn L2, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã K, huyện U, tỉnh C ..

3. Ông Trần Văn V, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã K, huyện U, tỉnh C ..

***- Người kháng cáo:*** Ông Trần Văn L2, ông Trần Văn V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn, bà Lâm Chúc L1 trình bày:* Vào tháng 9/2019, bà có bán cho ông Nguyễn Văn T, ông Bùi Quốc G, ông Trần Văn V, ông Trần Văn L2 7.595 kg lúa giá 5.600đ/kg thành tiền 42.532.000 đồng và 2.789 kg lúa giá 4.450đ/kg thành tiền 12.692.000 đồng, tổng cộng là 55.224.000 đồng. Các ông này đã trả cho bà

được 15.000.000 đồng, còn thiếu lại 40.224.000 đồng. Bà đã đòi nhiều lần nhưng chưa thanh toán. Việc mua bán lúa là do bà thỏa thuận với ông G, quá trình mua bán thì có những người khác tham gia như ông V, ông L2 đem bao theo để cân lúa. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các ông Trần Văn V, Nguyễn Văn T, Bùi Quốc G, Trần Văn L2 trả cho bà số tiền 40.224.000 đồng.

*Bị đơn, ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông và các ông Trần Văn V, Trần Văn L2, Bùi Quốc G, Trần Văn Điều, Hồ Ngọc Mến cùng nhau thành lập Công ty chế biến nông sản sạch Hải Triều, đăng ký tại Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Cà Mau vào năm 2018. Ông là người đại diện theo pháp luật của công ty. Mục đích thành lập công ty là làm gạo sạch, cụ thể là mua lúa về xay xát để kinh doanh gạo sạch. Tuy nhiên, sau khi làm thủ tục thì các thành viên không góp vốn nên công ty không hoạt động. Sau đó, ông đã bàn với các ông G, Luyện, Vẹn cùng nhau mua lúa tươi của nông dân về bán lại lấy lời chia đều và được các ông này đồng ý. Quá trình thực hiện có phân công công việc như sau: ông G là người liên hệ người dân để mua lúa, ông tìm thương lái để bán lúa, ông V, ông L2 có trách nhiệm đem bao đi cân lúa, khi nào ông G không thu mua kịp thì hai người phụ việc cân, ghi số lượng lúa. Ông chỉ nắm số lượng lúa ông G mua chứ không biết cụ thể số lượng thu mua của từng hộ dân và việc thanh toán. Khi ông G báo số lượng lúa thu mua được thì ông giao tiền cho ông G để trả cho các hộ dân. Sau khi thu mua hết 01 vụ trong thời gian khoảng 1 tháng thì tổng kết lại, có lời thì chia. Việc thỏa thuận trên do bốn người bàn với nhau, không thể hiện bằng văn bản. Sau khi làm được 01 vụ thì lỗ nên các ông không làm nữa. Ông cùng các ông G, Luyện, Vẹn đã nhiều lần bàn bạc, tính toán số tiền còn thiếu của các hộ dân và việc thanh toán nợ nhưng ông V và ông L2 không thống nhất. Ông đồng ý cùng có trách nhiệm với ông G, ông V, ông L2 trả số tiền còn thiếu theo yêu cầu của bà L1.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Bùi Quốc G trình bày:* Ông thống nhất có cùng các ông T, Luyện, Vẹn bàn bạc việc thu mua lúa tươi bán lại kiếm lời. Quá trình thực hiện có phân công công việc như sau: Ông thỏa thuận mua lúa của các hộ dân, ông V, ông L2 tiếp bỏ bao, cân lúa, còn ông T tìm nơi để bán lúa. Sau khi cùng nhau làm một thời gian thì không có lời nên các ông không làm nữa. Ông T có đưa tiền cho ông trả cho các hộ dân nhưng không đủ. Hiện nay còn thiếu của 07 hộ dân với tổng số tiền khoảng 218.000.000 đồng. Ông đồng ý cùng có trách nhiệm với ông T, ông V, ông L2 trả số tiền còn thiếu theo yêu cầu khởi kiện của bà L1.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần Văn L2 trình bày:* Ông G là người trực tiếp giao dịch việc mua lúa của các hộ dân, ông chỉ là người đi bỏ bao, ông không biết số tiền cụ thể ông G mua lúa của người dân và ông T bán ra. Việc thu mua lúa của các hộ dân là do 04 người thỏa thuận mua với tư cách cá nhân hùn hạp làm ăn chứ không dùng danh nghĩa công ty. Ban đầu thỏa thuận lời lỗ cùng chia đều. Ông nhận thấy việc tính toán chưa rõ ràng nên ông và những người còn lại sẽ tính toán cụ thể lại và thống nhất việc thanh toán tiền còn thiếu của những hộ dân.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần Văn V trình bày:* Thống nhất ý kiến của ông Trần Văn L2.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 24 tháng 03 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Chúc L1. Buộc ông Nguyễn Văn T, ông Bùi Quốc G, ông Trần Văn V, ông Trần Văn L2, mỗi người có trách nhiệm trả cho bà Lâm Chúc L1 số tiền 10.056.000 (mười triệu không trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

Ngày 15/4/2022, ông Trần Văn L2, ông Trần Văn V có đơn kháng toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn L2, ông Trần Văn V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

*Ông Trần Văn L2 tranh luận:* Ông không có trực tiếp ký hợp đồng mua lúa với bà L1 nên không đồng ý trả tiền.

*Ông Trần Văn V tranh luận:* Ông thống nhất với trình bày của ông L2. Không đồng ý trả tiền cho bà L1.

Bà Lâm Chúc L1 không tranh luận.

*Ông Nguyễn Văn T tranh luận:* Ông với ông G, ông L2, ông V có hùn hạp làm ăn chung nên cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà L1.

*Ông Bùi Quốc G tranh luận:* Việc hùn hạp làm ăn là có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn L2, ông Trần Văn V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 24 tháng 03 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Trần Văn V, ông Trần Văn L2 kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án. Lý do, hai ông và bà L1 không liên quan việc mua bán lúa. Hai ông không trực tiếp liên hệ hoặc đứng ra cân lúa với bà Lâm Chúc L1. Xét kháng cáo của ông Trần Văn L2, ông Trần Văn V, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn L2 và ông Trần Văn V không thừa nhận có hùn hạp làm ăn với ông G và ông T. Tuy nhiên, ông Trần Văn L2 thừa nhận tại Biên bản hòa giải ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh (BL 35, 36): “Ông G là người trực tiếp mua lúa, ông chỉ là người đi bỏ bao, ông không biết việc ông G trả tiền cho người dân cụ thể bao nhiêu, ông T bán được bao nhiêu. Việc mua lúa là do 04 người thỏa thuận mua với tư cách cá nhân hùn hạp làm ăn chứ không dùng danh nghĩa công ty. Ban đầu thỏa thuận lời, lỗ cùng chia. Ông không đồng ý quá trình làm việc của ông G đầu vào, ông T đầu ra. Ông nhận thấy việc tính toán chưa rõ ràng nên ông không đồng ý chịu trách nhiệm số tiền như ông T trình bày. Nếu đối chiếu rõ ràng thì ông mới đồng ý tự chịu trách nhiệm”. Tại biên bản hòa giải trên, ông Trần Văn V cũng thống nhất với lời trình bày của ông L2. Như vậy, ông L2 và ông V có hợp tác làm ăn với ông G và ông T

là thực tế. Do đó, các ông Nguyễn Văn T, Bùi Quốc G, Trần Văn L2, Trần Văn V có hợp tác làm ăn theo quy định tại Điều 504 Bộ luật dân sự.

[3] Tháng 9 năm 2019, ông T, ông G, ông L2, ông V thỏa thuận cùng mua lúa tươi, lòi, lỗ cùng chia, có phân công công việc cụ thể: Ông G liên hệ mua lúa; ông T tìm thương lái bán lúa; ông V, ông L2 đem bao cân lúa. Nên ông L2, ông V phải có trách nhiệm cùng với ông T, ông G trả các khoản nợ đã thiếu trong quá trình hợp tác làm ăn theo quy định tại Điều 508 Bộ luật dân sự. Do đó, số tiền thiếu của bà L1 là nợ chung phát sinh trong thời gian hợp tác làm ăn trên nên ông L2, ông V cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà L1 như án sơ thẩm tuyên là có căn cứ.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn L2, ông Trần Văn V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 24 tháng 03 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn L2, ông Trần Văn V mỗi người phải chịu 300.000 đồng; ông L2, ông V mỗi người có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, được chuyển thu, đổi trừ.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn L2, ông Trần Văn V.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Chúc L1. Buộc ông Nguyễn Văn T, ông Bùi Quốc G, ông Trần Văn V, ông Trần Văn L2, mỗi người có trách nhiệm trả cho bà Lâm Chúc L1 số tiền 10.056.000 (mười triệu không trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T, ông Bùi Quốc G, ông Trần Văn V, ông Trần Văn L2, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 502.800 (năm trăm lẻ hai nghìn tám trăm) đồng (chưa nộp).

Bà Lâm Chúc L1 không phải chịu án phí sơ thẩm. Bà L1 có nộp tạm ứng án phí số tiền 1.006.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006406 ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn V phải chịu 300.000 đồng. Ngày 15 tháng 4 năm 2022, ông V có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên

lai thu tiền số 0010422 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, được chuyển thu, đối trừ. Ông Trần Văn L2 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 15 tháng 4 năm 2022, ông L2 có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010423 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, được chuyển thu, đối trừ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Minh Trung**